

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: **KINH TẾ**; Chuyên ngành: **KẾ TOÁN**

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **LÊ THỊ TÚ OANH**

2. Ngày tháng năm sinh: **22-01-1977**; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: **Việt Nam**;

Dân tộc: **Kinh**; Tôn giáo: **Không**

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: **Xã Mỹ Đình, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.**

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Tổ 10, Phố Hoa Bằng, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ:

**Lê Thị Tú Oanh, Phòng 1808, Tòa nhà Vinaconex 7, Đường Nguyễn Văn Giáp,
Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.**

Điện thoại nhà riêng: **Không có**; Điện thoại di động: **096.417.6633**;

E-mail: **oanhletu@gmail.com**

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng 10/1999 đến tháng 10/2001: **Kế toán**, Công ty TNHH Nhất Vinh.

Từ tháng 11/2001 đến tháng 04/2002: **Kế toán**, Công ty TNHH Tư Vấn Độc Lập.

Từ tháng 05/2002 đến năm 2005: **Giảng viên**, Khoa Kinh tế, Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp I.

Từ tháng 07/2005 đến tháng 04 năm 2016: **Trợ giảng**, Khoa Kế toán, Trường Đại học Lao động - Xã hội.

Từ tháng 05/2006 đến năm 2013: **Giảng viên**, Khoa Kế toán, Trường Đại học Lao động - Xã hội.

Từ tháng 01/2014 đến tháng 06/2019: Được bổ nhiệm làm **Phụ trách Bộ môn Kế toán Quản trị**, Khoa Kế toán, Trường Đại học Lao động - Xã hội.

Từ tháng 07/2019 đến nay: Được bổ nhiệm làm **Trưởng Bộ môn Kế toán Quản trị**, Khoa Kế toán, Trường Đại học Lao động - Xã hội.

Chức vụ: Hiện nay: **Trưởng Bộ môn Kế toán Quản trị**; Chức vụ cao nhất đã qua: **Trưởng Bộ môn**.

Cơ quan công tác hiện nay: **Trường Đại học Lao động - Xã hội**.

Địa chỉ cơ quan: **43 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội**.

Điện thoại cơ quan: (+84) 246.26350000

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): **Không có**

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): **Không có**

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): **Không có**

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 20 tháng 08 năm 1999, ngành: **Kế toán**, chuyên ngành: **Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại**

Nơi cấp bằng ĐH: **Trường Đại học Thương Mại, Việt Nam**

- Được cấp bằng ĐH ngày 20 tháng 04 năm 2004, ngành: **Tiếng Anh**, chuyên ngành: **Tiếng Anh**

Nơi cấp bằng ĐH: **Trường Đại học Ngoại Ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam**

- Được cấp bằng ThS ngày 22 tháng 03 năm 2005, ngành: **Kinh tế**, chuyên ngành: **Kinh tế các ngành sản xuất và dịch vụ**

Nơi cấp bằng ThS: **Trường Đại học Thương Mại, Việt Nam**

- Được cấp bằng TS ngày 18 tháng 10 năm 2012, ngành: **Kinh tế**, chuyên ngành: **Kế toán (Kế toán, kiểm toán và phân tích)**

Nơi cấp bằng TS: **Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Việt Nam**

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm ,
ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh **Phó giáo sư** tại HĐGS cơ sở: **Trường Đại học Thương Mại**

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh **Phó giáo sư** tại HĐGS ngành, liên ngành: **Kinh tế**

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

(1) Nghiên cứu những vấn đề liên quan đến kế toán Việt Nam trong tiến trình hội nhập với quốc tế.

(2) Nghiên cứu về kế toán quản trị, công cụ phục vụ ra quyết định của nhà quản trị trong doanh nghiệp và đơn vị hành chính sự nghiệp Việt Nam.

(3) Các nghiên cứu về hoàn thiện cơ sở pháp lý kế toán và nâng cao chất lượng nhân lực kế toán Việt Nam.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn **12** HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: **03** cấp Cơ sở (chủ nhiệm đề tài);

- Đã công bố **51** bài báo KH, trong đó **15** bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín thuộc danh mục ISI, SCOPUS;

- Số lượng sách đã xuất bản **06**, trong đó **06** thuộc nhà xuất bản có uy tín (NXB Tài chính; NXB Lao động Xã hội; NXB Bách Khoa Hà Nội).

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định
2013	Chiến sĩ thi đua cơ sở	Số 2057/QĐ-ĐHLĐXH, ngày 19/11/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội
2015	Chiến sĩ thi đua cơ sở	Số 1826/QĐ-ĐHLĐXH, ngày 28/12/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội
2016	Chiến sĩ thi đua cơ sở	Số 61/QĐ-ĐHLĐXH, ngày 12/01/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội
2017	Chiến sĩ thi đua cơ sở	Số 177/QĐ-ĐHLĐXH, ngày 26/01/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội
2018	Chiến sĩ thi đua cơ sở	Số 90/QĐ-ĐHLĐXH, ngày 15/01/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội
2019	Chiến sĩ thi đua cơ sở	Số 2891/QĐ-ĐHLĐXH, ngày 31/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội

- Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định
2016	Giấy khen của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động – Xã hội, “Đã có thành tích xuất sắc trong sự nghiệp xây dựng và phát triển Nhà trường giai đoạn 2010-2015”.	Số 778/QĐ-KT-2016 ngày 20/05/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội

2016	Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương Binh và Xã hội, “Đã có thành tích xuất sắc trong quá trình xây dựng và phát triển Nhà trường giai đoạn 2010-2015”.	Số 629/QĐ-LĐTĐBXH, ngày 19/05/2016 của Bộ trưởng Lao động-Thương binh và Xã hội
2020	Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương Binh và Xã hội, “Đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác năm 2019”.	Số 346/QĐ-LĐTĐBXH, ngày 25/03/2020 của Bộ trưởng Lao động-Thương binh và Xã hội
2020	Giấy khen của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động – Xã hội, “Đã có thành tích xuất sắc trong sự nghiệp xây dựng và phát triển Nhà trường giai đoạn 2015-2019”.	Số 980/QĐ-ĐHLĐXH ngày 24/06/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SU/PHÓ GIÁO SU

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Tôi tự nhận thấy bản thân luôn cố gắng rèn luyện phẩm chất đạo đức của nhà giáo, tư tưởng vững vàng kiên định, luôn tuân thủ đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, chấp hành tốt kỷ luật lao động của đơn vị công tác, không vi phạm pháp luật.

Đối với công việc của giảng viên, trong thời gian giảng dạy, tôi đã làm tốt nhiệm vụ của mình như hoàn thành công việc giảng dạy với khối lượng vượt giờ giảng quy định. Các công việc khác liên quan đến giảng dạy như ra đề thi, chấm thi đều thực hiện đầy đủ. Trong công tác giảng dạy, tôi tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy mới phù hợp lấy người học làm trung tâm, áp dụng tin học vào công việc giảng dạy để đạt kết quả cao.

Đối với cương vị quản lý bộ môn Kế toán quản trị, tôi luôn tạo sự công bằng và đoàn kết trong bộ môn, lãnh đạo bộ môn thực hiện tốt các công việc được giao như đề xuất môn học mới, viết giáo trình, bài giảng, dịch tài liệu. Ngoài ra, tôi sẵn sàng hỗ trợ giảng viên bộ môn trong công tác giảng dạy, chia sẻ kinh nghiệm giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

Đối với sinh viên, tôi luôn dành sự nhiệt huyết trong truyền đạt kiến thức cho các em. Với phương châm lấy người học làm trung tâm, tôi thường làm mới mỗi bài giảng, đưa kiến

thức cần thiết và hữu ích nhất tới sinh viên. Tôi luôn đảm bảo sự công tâm trong đánh giá. Tôi luôn nhận được sự yêu mến và kết quả đánh giá tốt từ phía sinh viên qua các năm.

Bên cạnh nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học là trách nhiệm của mỗi giảng viên. Tôi đã rất cố gắng trong nghiên cứu, tìm hiểu các vấn đề mới nổi liên quan đến chuyên ngành, viết bài công bố trong nước và quốc tế. Cùng với sự nỗ lực của bản thân, tôi luôn truyền cảm hứng về tinh thần nghiên cứu khoa học cho các giảng viên của Bộ môn Kế toán Quản trị nói riêng và Khoa Kế toán Trường Đại học Lao động – Xã hội nói chung. Tôi đã thực hiện các buổi chia sẻ kinh nghiệm nghiên cứu khoa học với đồng nghiệp, hỗ trợ đồng nghiệp thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học và công bố quốc tế. Ngoài ra, tôi cũng tham gia phản biện cho tạp chí quốc tế Internatonal Journal of Accounting & Finance Review (xếp hạng ABDC).

Nhận thức được nhiệm vụ của mỗi giảng viên là phải trau dồi kiến thức, học tập nâng cao trình độ, do vậy, tôi tích cực tham gia các khóa học về chuyên môn và đã đạt được chứng chỉ nghề nghiệp như chứng chỉ kiểm toán viên (CPA), thẻ thẩm định viên về giá do Bộ Tài chính cấp. Ngoài ra, tôi cũng đã tham dự nhiều khóa học đào tạo nghiệp vụ khác như các khóa đào tạo về chuẩn mực kế toán quốc tế, các khóa kế toán nâng cao, ngoại ngữ, phương pháp nghiên cứu khoa học... Tôi cũng thường xuyên tham dự các buổi hội thảo để cập nhật các kiến thức mới như: Hội thảo về chuẩn mực kế toán sửa đổi do Hội kế toán, kiểm toán (VAA) tổ chức; Hội thảo về dự báo xu thế của kế toán do Hiệp hội Kế toán công chứng Anh Quốc (ACCA) tổ chức, Hội thảo cập nhật chính sách thuế; Hội thảo giới thiệu về việc tuân thủ chuẩn mực kiểm toán Quốc tế mới do Vụ Chế độ Kế toán và Kiểm toán, Bộ Tài chính phối hợp cùng Viện Kế toán Công chứng Anh và xứ Wales (ICAEW) tổ chức...

Tôi luôn giữ lối sống lành mạnh, trong sáng, sống giản dị; giữ vững phẩm chất đạo đức của giảng viên; sống chan hòa, sẵn sàng giúp đỡ đồng nghiệp, có tinh thần đoàn kết, có ý thức với công việc chung. Tôi tự nhận thấy mình luôn thực hiện tốt nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học, giữ gìn phẩm chất nhà giáo, đối xử công bằng với người học và nêu gương tốt cho học trò.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số hơn 14 năm giảng dạy tại Trường Đại học Lao động - Xã hội, trong đó, tất cả các năm đều tham gia trực tiếp công tác đào tạo (tính từ quyết định công nhận giảng viên kể từ ngày 01/05/2006).

- Khai cụ thể ít nhất 6 thâm niên, trong đó có 3 thâm niên cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2014-2015			0	8	216	0	216/400/224
2	2015-2016			3	4	216	60	276/632/216
3	2016-2017			3	13	270	120	390/896/216
3 năm học cuối								
4	2017-2018			2	15	153	60	213/675/216
5	2018-2019			4	11	135	60	195/713/216
6	2019-2020			0	14	135	60	195/469/216

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước: năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: **Trường Đại học Ngoại Ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội**; số bằng: QC 022141; năm cấp: 2004.

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

Bằng Cử nhân Tiếng Anh, Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội.

Chứng chỉ Tiếng Anh giao tiếp, Apollo.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ 2016 đến 2019	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1.	Phạm Thị Hồng Hoa		X	X		23/02/2016-30/12/2016	Trường ĐH Lao động - Xã hội	16/01/2017
2.	Nguyễn Thị Quý		X	X		23/02/2016-30/12/2016	Trường ĐH Lao động - Xã hội	16/01/2017
3.	Nguyễn Thị Thoa		X	X		23/02/2016-30/12/2016	Trường ĐH Lao động - Xã hội	16/01/2017
4.	Nguyễn Thị Thu		X	X		02/03/2017-31/12/2017	Trường ĐH Lao động - Xã hội	22/01/2018
5.	Công Thị Thu Hằng		X	X		02/03/2017-31/12/2017	Trường ĐH Lao động - Xã hội	22/01/2018
6.	Nguyễn Ngọc Anh		X	X		02/03/2017-31/12/2017	Trường ĐH Lao động - Xã hội	22/01/2018
7.	Phạm Thị Quốc Bình		X	X		09/03/2018-31/12/2020	Trường ĐH Lao động - Xã hội	13/01/2020
8.	Nguyễn Thị Dương		X	X		09/03/2018-31/12/2018	Trường ĐH Lao động - Xã hội	29/01/2019
9.	Nguyễn Phi Long		X	X		09/03/2018-31/12/2018	Trường ĐH Lao động - Xã hội	29/01/2019
10.	Đỗ Quang Vinh		X	X		12/02/2019-31/12/2019	Trường ĐH Lao động - Xã hội	13/01/2020
11.	Vũ Thị Kim Oanh		X	X		12/02/2019-31/12/2019	Trường ĐH Lao động - Xã hội	13/01/2020
12.	Nguyễn Hồng Trang		X	X		12/02/2019-31/12/2019	Trường ĐH Lao động - Xã hội	13/01/2020

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Giai đoạn trước khi bảo vệ luận án Tiến sĩ							
1	Câu hỏi và bài tập Kế toán tài chính	TK	NXB Tài chính, 2011	13			Số: 01/XN/2020 ngày 25/06/2020
Giai đoạn sau khi bảo vệ luận án Tiến sĩ							
2	Giáo trình Kế toán thuế ISBN: 978- 604-65-4327-5	GT	NXB Lao động – Xã hội, 2019	7	Chủ biên	211 – 265	QĐ 568/QĐ- ĐHLĐXH ngày 20/03/2019
3	Giáo trình Tổ chức kế toán ISBN: 978- 604-9931-73-4	GT	NXB Bách Khoa Hà Nội, 2020	5		173 – 204; 247-284	QĐ 180/QĐ- ĐHLĐXH ngày 30/01/2018
4	Giáo trình Kế toán Hành chính sự nghiệp ISBN: 978- 604-65-4774-7	GT	NXB Lao động – Xã hội, 2020	5	Đồng chủ biên	54-89; 91-95; 101-111; 113- 116	QĐ 24/QĐ- ĐHM ngày 05/12/2018
5	Giáo trình Phân tích Báo cáo tài chính ISBN: 978- 604-9931-99- 4	GT	NXB Bách Khoa Hà Nội, 2020	5		56-101	QĐ 963/QĐ- ĐHLĐXH ngày 23/05/2019
6	Sách chuyên khảo về Hệ thống kiểm soát quản trị ISBN: 978- 604-9982-01- 9	CK	NXB Bách Khoa Hà Nội, 2020	1	Chủ biên	11-218	GXN ĐHLĐXH ngày 25/06/2020

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau PGS/TS: Tất cả các sách đều do nhà xuất bản uy tín xuất bản.

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
Giai đoạn sau khi bảo vệ luận án Tiến sĩ					
1	Ứng dụng sơ đồ tư duy nâng cao kết quả học tập của sinh viên Trường Đại học Lao động - Xã hội	CN	CT2016-01-01; Cấp cơ sở	03/2016-03/2017	19/04/2017; Tốt
2	Nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân kế toán tại Trường Đại học Lao động - Xã hội đáp ứng yêu cầu của TPP và AEC	CN	CT2017-01-03; Cấp cơ sở	01/2017-12/2017	29/12/2017; Xuất sắc
3	Vận dụng kế toán quản trị tại các trường đại học công lập Việt Nam	CN	CT2018-01-04; Cấp cơ sở	2018-2019	07/01/2019; Tốt

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Năm công bố
Giai đoạn trước khi bảo vệ luận án tiến sĩ								
1.	Hoàn thiện cơ sở dữ liệu để phân tích báo cáo tài chính trong chương trình đào tạo chứng chỉ hành nghề chứng khoán	1	X	Tạp chí Nghiên cứu khoa học Kiểm toán ISSN: 1859-1671			07, 48-51	2008
2.	Qui định về công bố thông tin trong báo cáo thường niên - một số vấn đề cần hoàn thiện	1	X	Tạp chí Nghiên cứu khoa học Kiểm toán ISSN: 1859-1671			42, 14-18	2011
3.	Tìm hiểu về báo cáo thường niên	1	X	Tạp chí Kinh tế & phát triển ISSN: 1859-0012			Số Chuyên san, 65-68	2011
4.	Báo cáo thường niên của các công ty cổ phần niêm yết: Những tồn tại và hướng khắc phục	1	X	Tạp chí Kế toán & Kiểm toán ISSN: 1859-1914			06 (93), 14-16, 23	2011
5.	Báo cáo thường niên dưới góc nhìn của các chuyên gia, các nhà đầu tư và công ty cổ phần niêm yết	1	X	Tạp chí Nghiên cứu khoa học Kiểm toán ISSN: 1859-1671			55, 17-19	2012

Giai đoạn sau khi bảo vệ luận án tiến sĩ								
TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Năm công bố
6.	Mâu thuẫn về lãi vay trong pháp luật thuế tại Việt Nam	1	X	Tạp chí Nghiên cứu Khoa học kiểm toán ISSN: 1859-1671			81, 37-39	2014
7.	Chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính trường đại học công lập nhìn từ góc độ nhà quản trị	2		Tạp chí Nghiên cứu Tài chính Kế toán ISSN: 1859-4093			08 (145), 38-44	2015
8.	Cơ hội và thách thức trong đào tạo thạc sĩ kế toán tại Trường ĐH Lao động Xã hội	1	X	Tạp chí Lao động & Xã hội ISSN: 0866-7643			506, 20-21	2015
9.	Obstacles in transfer pricing inspections of the multinational companies in Vietnam	2	X	Proceedings of International conference on Accounting & Finance 2016 (ICOAF 2016) ISBN: 978 -604- 84-1563-1			430-438	2016
10.	Công bố thông tin về báo cáo bộ phận trong Công ty cổ phần niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam	2	X	Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia: “Kế toán sáng tạo: Góc nhìn từ Kế toán và Quản lý”. ISBN: 978-604-922-344-0			274-285	2016

11.	The factors model affecting management accounting information usage behavior of managers	2	X	Proceedings of Management Accounting-International Experiences and Current Situation in Vietnam. ISBN : 978-604-79-1468-5			83-88	2016
12.	Accounting Outsourcing in Vietnamese Small and Medium-sized Enterprises	1	X	Proceedings of the 5 th International Conference on Emerging Challenges: Partnership enhancement ICECH2016. ISBN : 978-604-93-8961-0			235-244	2016
13.	Phương pháp xác định thù lao quản trị trong công ty cổ phần niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam	1	X	International Conference on Science and Technology_50 th Anniversary of Electric Power University. ISBN : 978-604-67-0793-6			1261-1269	2016
14.	Tác động của kết quả học tập đến chất lượng việc làm của sinh viên kế toán_Nghiên cứu tại trường ĐH Lao động Xã hội	2	X	Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc tế “Đào tạo và Nghiên cứu về Kinh tế thị trường của các trường đại học Việt Nam”, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân. ISBN : 978-604-946-182-8			507-516	2016

15.	Đánh giá phần mềm kế toán trực tuyến dưới góc nhìn doanh nghiệp	1	X	Tạp chí Tài chính- Quản trị kinh doanh. ISSN: 2525-2305			5, 41-46	2017
16.	Nghiên cứu các nhân tố tác động đến mức độ hài lòng của giảng viên trong trường đại học.	2		Tạp chí Kinh tế và phát triển. ISSN: 1859-0012			239, 100-108	2017
17.	Tính hữu ích của việc ứng dụng sơ đồ tư duy trong học tập đối với sinh viên kế toán Trường Đại học Lao động Xã hội	1	X	Tạp chí Kinh tế và phát triển. ISSN: 1859-0012			242, 99- 104	2017
18.	Ý định sử dụng sơ đồ tư duy trong học tập của sinh viên – Nghiên cứu tại Trường Đại học Lao động Xã hội	2	X	Tạp chí Khoa học Giáo dục nghề nghiệp. ISSN: 2354-0583			50, 44- 51	2017
19.	Assessment of the intention to use online accounting software of vietnamese enterprises	2	X	Proceedings of the 6 th International Conference on Emerging Challenges: Strategic Intergration ICECH2017. ISBN : 978-604-95- 0358-0			129-135	2017
20.	Factors Affecting Outsourcing of Accounting of Enterprise Executives In Vietnam	2	X	Proceedings International Conference for Young Researchers in Economics and Business (ICYREB 2017, Danang) ISBN: 978-604-84- 2640-8			607-616	2017

21.	Management Accounting Information in Vietnamese Small and Medium Sized Enterprises <i>https://doi.org/10.5430/afr.v7n1p130</i>	3	X	Accounting and Finance Research E-ISSN 1927-5994			7 (1), 130-138	2018
22.	Kiến thức và Kỹ năng cần thiết cho Cử nhân Kế toán đáp ứng yêu cầu hội nhập khu vực ASEAN	1	X	Tạp chí Dạy và Học Ngày nay. ISSN: 1859-2694			6/2018, 45-47	2018
23.	Nhân tố ảnh hưởng tới chất lượng đào tạo cử nhân Kế toán: Nghiên cứu tại Trường Đại học Lao động Xã hội	1	X	Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia: “Nghiên cứu và đào tạo kế toán, kiểm toán”- Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội. ISBN : 978-604-65-3555-3			416-427	2018
24.	The relationship between corporate social responsibility disclosures and corporate value: Evidence from listed companies on Viet Nam’s stock market. <i>http://dx.doi.org/10.5296/ifb.v5i2.13868</i>	3		International Finance and Banking. ISSN 2374-2089			5 (2), 22-46	2018

25.	Thực trạng việc ứng dụng sơ đồ tư duy trong học tập của sinh viên - Nghiên cứu tại Trường Đại học Lao động Xã hội	2	X	Hội thảo quốc gia: “Đổi mới căn bản & toàn diện hoạt động đào tạo trong các trường đại học, cao đẳng”. ISBN: 978-604-84-3502-8			327-332	2018
26.	Evaluation of Knowledge and Skills of ULSA Accounting Graduates in the Globalization Period	2	X	International conference on finance, accounting and auditing: “Accounting, Auditing and Finance in the digital age” ICFAA 2018 ISBN: 978-604-946-498-0			237-251	2018
27.	The Application of the Balanced Scorecard in Managing University - The Case of Hanoi Open University	2		Conference proceedings: 1 st International conference on Contemporary Issues in Economics, Management and Business (CIEMB 2018). ISBN: 978-604-65-3728-1			86-96	2018
28.	Factors Affecting to Cash Flow Management Behavior in Vietnamese Construction Enterprises	2	X	Journal of Science and Technology. ISSN: 2525-2267			37, 277-290	2019

29.	Relationship between experts and enterprises view as ifrs application: an empirical study in Viet Nam. <i>DOI:</i> 10.18488/journal.aefr.2019.98.946.963	3		Asian Economic and Financial Review ISSN: 2222-6737 (Online)	Scopus (Q3, H Index = 8)	9 (8), 946-963	2019
30.	Identifying factors influencing on the cash flow of construction companies: Evidence from Vietnam stock exchange. <i>DOI:</i> 10.5267/j.msl.2019.7.036	3	X	Management Science Letters ISSN: 1923-9343 (Online)	Scopus (Q2, H Index = 13)	10, 255-264	2019
31.	Báo cáo bộ phận phục vụ quản trị doanh nghiệp trong ngành dược	2		Hội thảo khoa học Quốc gia: “Đào tạo Kế toán-Kiểm toán đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0”. ISBN: 978-604-65-4423-4		281-300	2019
32.	Thực trạng quản trị dòng tiền trong các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam	2		Hội thảo khoa học Quốc gia: “Đào tạo Kế toán-Kiểm toán đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0”. ISBN: 978-604-65-4423-4		539-556	2019

33.	Budgeting For Management Functions in the Pharmaceutical Enterprises. <i>DOI:</i> <i>10.14445/23939125/IJEMS-V6I11P105</i>	2		International Journal of Economics and Management Studies. ISSN: 2393 - 9125			6 (11), 34-43	2019
34.	Determining the impact of financial performance factors on bankruptcy risk: an empirical study of listed real estate companies in Vietnam. <i>DOI:10.21511/imfi.16(3).2019.27</i>	4		Investment Management and Financial Innovations ISSN: 1812-9358 (online)	Scopus (Q3, H Index = 15)	1	16(3), 307-318	2019
35.	The implication of applying IFRS in Vietnamese enterprises from an expert perspective. <i>DOI:</i> <i>10.5267/j.msl.2019.9.025</i>	3		Management Science Letters ISSN: 1923-9343 (Online)	Scopus (Q2, H Index = 13)		10, 551-564	2019
36.	Identification of domestic transfer price in Vietnamese enterprises	3	X	Proceedings of the 7 th International Conference on Emerging Challenges: Management in the Digital Evolution_ ICECH2019. ISBN : 978-604-98-7519-9			141-150	2019

37.	Motives of Transfer Pricing in Vietnamese Enterprises	2		International conference on finance, accounting and auditing: “Contemporary Issue in Accounting, Auditing and Finance” ICFAA 2019. ISBN: 978-604-946-742-4			791-803	2019
38.	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi điều chỉnh lợi nhuận của các công ty phi tài chính niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam	4		Hội thảo Việt Nam về Kế toán, kiểm toán (VCAA): “Kế toán, kiểm toán trong thế giới số”. ISBN: 978-604-80-4348-3			549-561	2019
39.	Benefits and Difficulties of Adopting IFRSS. https://www.ijicc.net/index.php/volume-10-2019/145-vol-10-iss-9	3	X	International Journal of Innovation, Creativity and Change ISSN: 2201-1323	Scopus (Q2, H Index = 11)		10 (9), 205-225	2019
40.	Factors affecting the application of management accounting in Vietnamese enterprises. DOI: 10.5267/j.uscm.2019.10.003	4	X	Uncertain Supply Chain Management ISSN: 2291-6830 (Online)	Scopus (Q2, H Index = 12)	2	8, 403-422	2020

41.	Management accounting practices among Vietnamese small and medium enterprises. <i>DOI:</i> <i>10.18488/journal.aefr.2020.101.94.115</i>	3	X	Asian Economic and Financial Review ISSN: 2222-6737 (Online)	Scopus (Q3, H Index = 8)		10 (1), 94-115	2020
42.	The impact of capital structure on the performance of construction companies: A study from Vietnam stock exchanges. <i>DOI:</i> <i>10.5267/j.ac.2019.10.006</i>	3		Accounting ISSN: 2369-7407 (Online)	Scopus (Q4, H Index = 2)	2	6, 169– 176	2020
43.	Barriers of the Management Accounting Application: The Case of Vietnamese Public Universities. <i>DOI:</i> <i>10.35808/ijeba/472</i>	3	X	International Journal of Economics and Business Administration. ISSN: 2241-4754	Scopus (Q3, H Index = 10)		8 (2), 420-432	2020
44.	Management Efficiency of Budgeting: Evidence from Public Universities in Vietnam. <i>https://www.cribfb.com/journal/index.php/ijaf/article/view/618/805</i>	2	X	International Journal of Accounting & Finance Review ISSN: 2576-1293 (Online)	ABDC ranked, (H index: 2)		5 (1), 105-115	2020

45.	Roadmap for the implementation of IFRS in Vietnam: Benefits and challenges <i>DOI:</i> <i>10.5267/j.ac.2020.4.005</i>	3	X	Accounting. ISSN: 2369-7407 (Online)	Scopus (Q4, H Index = 2)	6, 533– 552	2020
46.	Comparing the Applications of Management Accounting between Vietnamese Public Universities by the Degree of Autonomy. <i>https://doi.org/10.46281/ijfb.v4i1.545</i>	2	X	Indian Journal of Finance and Banking ISSN: 2574-609X (Online)	ABDC ranked, (H index: 3)	4 (1), 84-91	2020
47.	Examining the technology acceptance model using cloud-based accounting software of Vietnamese enterprises. <i>DOI:</i> <i>10.5267/j.msl.2020.4.032</i>	2	X	Management Science Letters ISSN: 1923-9343 (Online)	Scopus (Q2, H Index = 13)	10, 2781– 2788	2020
48.	Application of Cost-Volume-Profit Analysis in Decision Making of Public Universities in Vietnam. <i>DOI:10.13106/jafeb.2020.vol7.no6.305</i>	4	X	Journal of Asian Finance, Economics and Business. ISSN: 2288-4645 (online)	ISI, Scopus (Q3, H index = 3)	7 (6), 305 – 316	2020

49.	Factors Affecting the Intention to Apply Management Accounting of Enterprises in Vietnam. <i>DOI:10.13106/jafeb.2020.vol7.no6.095</i>	2	X	Journal of Asian Finance, Economics and Business. ISSN: 2288-4645 (online)	ISI, Scopus (Q3, H index = 3)	7 (6), 95-107	2020
50.	Estimation of benefits and difficulties when applying IFRS in Vietnam: from business perspective. <i>https://doi.org/10.5430/ijfr.v11n4p165</i>	3		International Journal of Financial Research E-ISSN: 1923-4031	Scopus (Q4, H index = 3)	4 (11), 165-179	2020
51.	Responsibility Accounting in Public Universities: The case in Vietnam. <i>DOI:10.13106/jafeb.2020.vol7.no7.xxx</i> (processing)	2	X	Journal of Asian Finance, Economics and Business. ISSN: 2288-4645 (online)	ISI, Scopus (Q3, H index = 3)	7 (7)	2020

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UỶ là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: **10 bài**.

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: Không

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế: Không

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: Không

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

- Đã tham gia thẩm định chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Kế toán theo Quyết định số 1592/QĐ-ĐHLĐXH ngày 18/09/2013 của Trường Đại học Lao động Xã hội.

- Đã tham gia thẩm định đề cương học phần thuộc chương trình đào tạo tín chỉ ngành Kế toán trình độ Đại học theo Quyết định số 825/QĐ-ĐHLĐXH ngày 30/06/2015 của Trường Đại học Lao động Xã hội.

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 25 tháng 06 năm 2020

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



LÊ THỊ TÚ OANH